TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YM** **TỈNH HY** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày 29/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YM, TỈNH HY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Quỳnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đại và bà Nguyễn Thị Hằng
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YM.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YM xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2023/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXX ST-HS ngày 16 tháng 05 năm 2023 đối với.

1/ Các bị cáo:

1.1 Họ và tên: Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1979. Giới tính: Nam; Sinh trú quán: thôn TC, xã GP, huyện YM, tỉnh HY; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ: Không; Trước khi phạm tội Nguyễn Xuân Đ là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Quân sự, Đảng bộ xã GP, huyện YM, tỉnh HY; Con ông Nguyễn Trọng K (đã chết, ngày 09 tháng 10 năm 1989 ông K được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì) và bà Lê Thị N, sinh năm 1938; Vợ: Chị Nguyễn Thị Hà Q, sinh năm 1980; Có 02 con, cùng sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2022, tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Mỹ, tỉnh HY, có mặt tại phiên tòa.

1. 2 Họ và tên: Lò Thị H, sinh năm 1990. Giới tính: Nữ; Sinh trú quán: bản NS, xã CS, huyện MS, tỉnh SL; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9 /12; Chức vụ: Không; Con ông Lò Văn Q (đã chết) và bà Lò Thị T1, sinh năm 1968; Chồng: Lò Văn K1 sinh năm 1983; Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2022, tại trại tạm giam Công an tỉnh HY, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thanh Hiên - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh HY.

1.3 Họ và tên: Trần Thị K, sinh năm 1994. Giới tính: Nữ; Sinh trú quán: thôn ÔM, xã TA, huyện BL, tỉnh HN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Chức vụ: Không; Con ông Trần Văn K, sinh năm 1965 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1969; Chồng: không xác định; Có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2022, tại trại tạm giam Công an tỉnh HY, có mặt tại phiên tòa.

1.4. Họ và tên: Lò Thị T, sinh năm 2003. Giới tính: Nữ; Sinh trú quán: Bản LM, xã HM, huyện SM, tỉnh SLa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ Mú; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không đi học. Chức vụ: Không; Con ông Lò Văn A và bà Lò Thị X (đều đã chết); Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2022, tại Trại tạm giam Công an tỉnh HY, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thanh Hiên - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H1 Yên.

1.5. Họ và tên: Trịnh Thị Mỹ N, sinh năm 1994. Giới tính: Nữ; Sinh trú quán: Tổ dân phố PĐa, phường NĐ, thị xã NH, tỉnh KH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Chức vụ: Không; Con ông Trịnh Đức T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị C (đã chết); Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2023, hiện nay đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh HY.

***2.Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

2.1 Ông Lê Văn S, sinh năm 1975 (vắng mặt)

2.2 Ông Lê Văn L, sinh năm 1975 (vắng mặt)

2.3 Ông Lê Văn H1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

2.4 Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1968 (có mặt)

Đều địa chỉ: Thôn TC, xã GP, huyện YM, tỉnh HY.

3 Người làm chứng: Ông Lê Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TC, xã GP, huyện YM, tỉnh HY.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 01/11/2022, sau khi ăn cỗ nhà Lê Văn T xong, Nguyễn Xuân Đ rủ Lê Văn S và Lê Văn L đi hát karaoke tại quán karaoke Lan H2 ở thôn YP, xã GP, huyện YM, tỉnh HY do bà Phạm Thị H2 làm chủ. Đ yêu cầu bà H2 gọi cho mấy nữ nhân viên đến phục vụ bấm bài, rót bia. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, có Trịnh Thị Mỹ N, Trần Thị K và Lò Thị H đến, cùng hát ở phòng 2B trên tầng 2. Đ ở tầng 1 dùng điện thoại di động của mình có số thuê bao **0978392332** gọi đến số thuê bao **0978386342** của một người tên Duy đặt mua 01 chỉ "ke" và 04 viên "kẹo" với giá 3.500.000đ. Một lúc sau D đi xe mô tô đến phòng khách tầng 1 gặp Đ, D cùng Đ đi vào nhà vệ sinh bên trong rồi D đưa cho Đ 01 túi nilon bên trong có chứa 04 viên kẹo và 01 chỉ ke, Đ chuyển trả D 3.500.000đ qua ứng dụng Mobile banking trên điện thoại từ số tài

khoản **190389844104012** của Đ mở tại Ngân hàng Techcombank đến số tài khoản của D là số **105870974917**. Đ cất túi nilon có chứa ma túy vào túi quần phía trước bên trái đi lên phòng hát, còn D đi về. Đến khoảng 11 giờ 50 phút cùng ngày, Lò Thị T đến quán rồi đi lên phòng hát số 2B để phục vụ. Đ lấy 04 viên ma túy "kẹo" bẻ đôi rồi đưa cho mỗi người nửa viên để sử dụng. Đ đưa lần lượt cho S và N, H1 cả hai không lấy, Đ tiếp tục đưa cho L, H, K và T, tất cả cùng sử dụng bằng hình thức uống cùng nước ngọt và bia, riêng Lò Thị H khi cho lên miệng cắn một ít thấy đắng nên đã cất vào chiếc túi nilon màu trắng rồi để trong túi xách cá nhân của mình để sử dụng sau. Một lúc sau thì Đ gọi điện thoại cho anh Lê Văn H1 đến cùng hát. Sau khi sử dụng ma túy kẹo xong, Đ đi ra ngoài hành lang tầng 2 lấy một chiếc đĩa sứ màu trắng, hình bầu dục có kích thước 27,5cm x 19,5cm mang vào trong phòng hát và dùng bật lửa ga hơ khô bề mặt đĩa và bảo H đi lấy chiếc thẻ cứng (dụng cụ để tán ma túy ke) mang cho Đ. Lúc này H nhìn thấy trên bàn để đồ uống, bánh kẹo trong phòng hát có một chiếc thẻ nhựa có chữ VietCredit có kích thước 8,5cm x 5,5cm, H liền lấy đưa cho Đ. Đ bỏ túi nilon bên trong chứa ma túy ke đổ ra chiếc đĩa sứ rồi lấy tay dùng chiếc thẻ nhựa do H đưa tán số ma túy ke này cho mịn ra (xào ke) để mọi người cùng sử dụng. Do say rượu nên Đ không tự xào ke được, Đ đã nhờ Lò Thị T xào ke cho mình, T dùng chiếc thẻ cứng xào ke cho mịn ra rồi kẻ thành từng đường ke. Thấy Đ và T đang xào ma túy ke thì Trần Thị K nhìn thấy tờ tiền polyme mệnh giá 10.000đ ở trong giỏ đựng đồ trên mặt bàn nên K đã tự mình dùng tờ 10.000đ này cuộn lại thành ống hút cho mọi người sử dụng ma túy ke. Sau khi xào ke xong, T đã bê đĩa ke đi mời từng người trong phòng hát sử dụng. Đầu tiên là L, tiếp đến là N, K, S, H1, H, Đ và cuối cùng là T. NH1 do đây là lần đầu tiên sử dụng ma túy nên S và H1 hít vào nH1 lại nhổ ra. Đến khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày thì Lê Thị Như Lành, sinh ngày 13/9/2007 ở xóm 4, xã Hà Linh, huyện H2 Khê, tỉnh Hà Tĩnh đến và đi lên phòng số 2B, còn Lê Văn H1 mệt nên tự bỏ về trước. Khi Lành đến thì Đ đưa cho Lành nửa viên ma túy kẹo, Lành đã sử dụng bằng hình thức uống, Đ đưa cho K tiếp nửa viên, K sử dụng bằng hình thức uống, nửa viên còn lại Đ để lên thành bức tường phía sau vị trí mọi người ngồi hát để sử dụng sau. Do Đ bảo, nên Lò Thị H về trước, sau khi Hải ra khỏi phòng, thì N tiếp tục kẻ số ma túy còn lại trên đĩa thành những đường kẻ và sử dụng 01 đường, rồi mang đến mời L và S, nH1 L và S không sử dụng, nên N đưa cho T và T đã sử dụng nốt số ma túy còn lại trên đĩa. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện Yên Mỹ đến kiểm tra, lúc này Lò Thị H đang đứng ở tầng 1 chờ người đến đón thì bị lực lượng Công an kiểm tra và thu giữ ½ viên nén mầu xám hình bán nguyệt, kích thước 01cm x 0,5cm, dầy 0,3cm đựng bên trong 01 túi nilon mầu trắng, miệng túi viền mầu đỏ, kích thước 08cm x 05cm ở trong 01 túi xách giả da mầu trắng, niêm phong ký hiệu MT1. Kiểm tra phòng 2B của quán Lan H2 phát hiện, thu giữ: 01 đĩa sứ màu trắng, hình bầu dục có kích thước 27,5cm x 19,5cm; 01 thẻ nhựa có chữ VietCredit, có kích thước 8,5cm x 5,5cm và 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000đ (*Mười nghìn đồng*) ở giữa và hai đầu ống hút được cố định bằng giấy bọc ở đầu lọc thuốc lá, đều bám dính chất tinh thể màu trắng, tất cả được niêm phong, ký hiệu M1; 01 viên nén không rõ hình, kích thước (0,5x0,5)cm, độ dày 0,3cm, màu vàng cam trên thành bức tường, niêm phong ký hiệu M2; 01túi nilon kích thước 06cm x 04cm có viền màu đỏ, niêm phong ký hiệu M3; Thu trên mặt bàn 01 chiếc bật lửa ga màu đỏ, 01 bật lửa ga màu xanh. Đồng thời kiểm tra phát hiện và thu giữ trên người: Nguyễn Xuân Đ 01 ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*); Lê Văn S số tiền 2.200.000đ, Lê Văn L 01 ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 900.000đ, tất cả được niêm phong ký hiệu M4.

Thu giữ của Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, dung lượng 32 GB, số IMEI: 355356088949076.

Thu giữ của K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh rêu, dung lượng 64GB, số IMEI: 350588704844976.

Thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, dung lượng 16 GB, số IMEI: 358354065111436.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Xuân Đ, Lò Thị H, Trần Thị K và Lò Thị T, không thu giữ đồ vật gì.

Tiến hành xét nghiệm ma túy đối với các đối tượng xác định: Nguyễn Xuân Đ, Lê Văn L, Lò Thị H, Lò Thị T, Trần Thị K, Lê Thị Như Lành và Trịnh Thị Mỹ N đều dương tính với ma túy loại Ketamine và MDMA; Lê Văn S, Lê Văn H1 và Phạm Thị H2 âm tính với các chất ma túy.

Kết luận giám định số 386 ngày 04/11/2022 và số 387 ngày 05/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H1 Yên xác định: Chất dạng viên nén màu xám trong niêm phong ký hiệu MT1, có khối lượng là: 0,235g (*Không phẩy hai ba năm gam*) là ma túy, là loại: MDMA; Chất dạng tinh thể màu trắng bám dính trên bề mặt đĩa sứ, thẻ nhựa và trong lòng ống hút trong niêm phong ký hiệu M1, không xác định được khối lượng, là ma túy, là loại: Ketamine; Mẫu chất dạng viên nén màu cam trong niêm phong ghi ký hiệu M2, có khối lượng là 0,159g (*Không phẩy một năm chín gam*), là ma túy, là loại: MDMA; Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng bám dính trong túi nilon màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu M3, không xác định được khối lượng, là ma túy, là loại: MDMA; Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng bám dính trên bề mặt thẻ nhựa trong niêm phong ghi ký hiệu là K1, không xác định được khối lượng, là ma túy, là loại: Ketamine. Hoàn lại 01 phong bì số 386/KL-KTHS(MT) bên trong có: 0,178g (*Không phẩy một bẩy tám gam*), loại MDMA; 01 vỏ túi nilon và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định; 01 phong bì số 387/KL-KTHS(MT) bên trong có: 0,129g (*Không phẩy một hai chín gam*), loại MDMA giao cho Công an huyện Yên Mỹ quản lý.

Đối với Lê Văn L, Lê Văn S, Lê Văn H1 và Lê Thị Như L, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nên Công an huyện Yên Mỹ đã xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với Phạm Thị H2 là chủ quán Karaoke Lan H2 không biết các đối tượng có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán Karaoke của mình, nên không phạm tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; Tuy nhiên, do không chấp hành quyết định đình chỉ hoạt động, để xảy ra hoạt động tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy tại cơ sở kinh doanh do mình quản lý, nên Công an huyện Yên Mỹ đã báo cáo đề nghị Chủ tịch UBND huyện YM làm tờ trình đề nghị Chủ tịch UNBD tỉnh HY xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Đối với Nguyễn Văn D, bán ma túy cho Đ, điều tra xác định được là Nguyễn Văn D, sinh năm 1986, ở thôn ĐXa, xã ĐD, huyện VL, tỉnh HY, không có mặt tại địa phương. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ tiếp tục xác minh làm rõ, xem xét xử lý sau.

Bản cáo trạng số 47/CT-VKS-YM ngày 25/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân Đ và Lò Thị H về các tội Tổ chức sử

dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Trần Thị K và Lò Thị T về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; Bị cáo Trịnh Thị Mỹ N về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Xuân Đ khai nhận do đã uống rượu say không làm chủ bản thân, nên đã thuê phòng hát và gọi mua của Duy 3.500.000 đồng ma túy về cho mọi người sử dụng, bị cáo xác nhận Lò Thị H có vào phòng hát số 2B, bị cáo có chia cho H nửa viên ma túy, số ma túy thu giữ tại phòng hát là do bị cáo mua của D còn lại chưa sử dụng hết. Bị cáo là người trực tiếp lấy đĩa sứ ở hành lang, khi đổ ma túy ra đĩa thì Lò Thị H là người đưa cho bị cáo thẻ cứng để đảo, miết ma túy cho mịn (xào ke), do rượu say không làm được nên bị cáo đã nhờ Lò Thị T làm, Trần Thị K là người cuộn tờ tiền thành ống hút để cho mọi người hít ma túy ke.

Lò Thị H khai nhận, bà Phạm Thị H2 là người gọi bị cáo đến phục vụ rót bia, bấm bài, tại phòng hát bị cáo Đ có đưa cho bị cáo nửa viên ma túy, bị cáo cắn một chút thấy đắng không dùng nữa, cất vào túi xách cá nhân để sử dụng sau, khi bị cáo Đ đổ ma túy ra đĩa có hỏi mọi người ai có thẻ cứng đưa cho Đ, bị cáo thấy ở giỏ đồ trên bàn có thẻ cứng, nên đã cầm đưa cho Đ, thấy Đ và T dùng thẻ này để xào ke và chia ma túy thành các đường chỉ cho mọi người sử dụng. Do mệt nên bị cáo đã xin Đ cho về trước, khi đang đứng ở tầng một, đợi người đến đón, thì lực lượng công an đến kiểm tra, thu giữ trong túi xách của bị cáo có nửa viên ma túy do Đ cho ở phòng hát 2B.

Trần Thị K khai nhận, khi thấy Đ và T xào ke, bị cáo thấy trong giỏ bánh kẹo có tờ tiền 10.000 đồng, nên đã cuộn lại thành ống để cho mọi người dùng để hít ma túy ke, sau khi xào ke xong thì bị cáo cùng mọi người đã hít ma túy ke trên đĩa sứ bằng ống hút do bị cáo cuộn.

Lò Thị T khai nhận, khi Đ nhờ bị cáo xào ke thì bị cáo đã dùng thẻ cứng H đưa trộn, miết ma túy cho mịn và hỏi mọi người hít mấy kẻ, bị cáo đã chia ma túy thành các đường kẻ và đưa cho mọi người sử dụng.

Trịnh Thị Mỹ N khai nhận, sau khi hít ke lần thứ nhất xong, bị cáo thấy trên đĩa còn ma túy, nên bị cáo đã dùng thẻ cứng chia số ma túy trên đĩa thành hai đường kẻ, bị cáo hít một đường và cầm đĩa sứ mang đến mời L và S, nH1 L và S không sử dụng, bị cáo mời T và T đã hít một đường còn lại trên đĩa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân Đ và Lò Thị H phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy; Các bị cáo Trần Thị K, Lò Thị T, Trịnh Thị Mỹ N phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Đ 255, khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Xuân Đ và Lò Thị H, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ. Đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 08 năm 04 tháng đến

09 năm tù; đề nghị xử phạt bị cáo H từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Đ 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự đối với Trần Thị K và Lò Thị T. Đề nghị xử phạt bị cáo K và T mỗi bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự đối với Trịnh Thị Mỹ N. Đề nghị xử phạt bị cáo N từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đề nghị tịch thu cho tiêu hủy:

01 thùng catton ghi số 387/KL - KTHS (MT) bên trong có 0,129g ma túy loại MDMA; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa có chữ VietCredit; 01 túi nilon màu trắng; 01 thẻ nhựa cứng màu vàng và toàn bộ vỏ phong bì niêm phong, đối với 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng tịch thu sung ngân sách nhà nước.

01 phong bì số 386/KL - KTHS (MT) bên trong có 0,178g ma túy loại MDMA; 01 vỏ túi nilon và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

01 túi xách giả da màu trắng, kích thước (20 x 14)cm; 02 chiếc bật lửa ga, một chiếc màu đỏ, một chiếc màu xanh.

Đối với 01 đầu thu thiết bị Camera nhãn hiệu Vision màu đen, kích thước (22x 23x 4,5) thu giữ của quán Karaoke Lan H2, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nay hoàn trả bà Phạm Thị H2.

Hoàn trả bị cáo Nguyễn Xuân Đ 600.000 đồng, anh Lê Văn S 2.200.000 đồng, anh Lê Văn L 900.000đồng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 7 Plus, màu hồng, dung lượng 32 GB, số IMEI: 355356088949076 trong phong bì niêm phong ĐT1.

Hoàn trả bị cáo Trần Thị K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh rêu, dung lượng 64GB, số IMEI: 350588704844976 trong phong bì niêm phong ĐT2.

Hoàn trả bị cáo Lò Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, dung lượng 16 GB, số IMEI: 358354065111436 trong phong bì niêm phong ĐT3.

Trợ giúp viên pháp lý Lê Thị Thanh Hiên bào chữa cho bị cáo Lò Thị H và Lò Thị T có quan điểm: Các bị cáo đều nhận thức hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt thấp nhất cho hai bị cáo, đề nghị miễn toàn bộ án phí cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ đều có quan điểm đề nghị HĐXX. xét xử vắng mặt những người liên quan và

những người làm chứng, HĐXX. xét thấy những người liên quan và người làm chứng vắng mặt đều đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến kết quả xét xử, nên HĐXX. căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người liên quan và người làm chứng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, như các biên bản hỏi cung bị cáo Đ từ bút lục 379 - 384, của bị cáo H từ bút lục 353 - 358, bị cáo K từ bút lục 407 - 412, bị cáo T từ bút lục 424 - 434, bị cáo Trịnh Thị Mỹ N từ bút lục 461 - 464, phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang từ bút lục 11 - 12, biên bản vụ việc bút lục 14 - 15, kết luận giám định 334 - 335. Nên HĐXX có đủ căn cứ xác định từ 11 giờ 50 đến 14 giờ ngày 01 tháng 11 năm 2022, tại phòng 2B quán Karaoke Lan H2 thôn Yên Phú, xã GP, huyện YM, Nguyễn Xuân Đ, Lê Văn L, Lò Thị H, Lò Thị T, Trần Thị K, Lê Thị Như Lành, Trịnh Thị Mỹ N, Lê Văn S, Lê Văn H1 sử dụng trái phép chất ma túy, trước và trong khi sử dụng ma túy các bị cáo Đ, H, K, T, N đều thực hiện một số hành vi nhất định, bị cáo Đ là người thuê phòng hát, mua ma túy, lấy đĩa để xào ke, bị cáo T là người trực tiếp xào ke, chia ma túy thành các kẻ thẳng trên đĩa và mời mọi người sử dụng, bị cáo H đưa thẻ cứng cho Đ để xào ke, khi được Đ cho nửa viên bị cáo H không dùng cất trong túi xách cá nhân dùng sau, bị cáo K cuộn tờ tiền thành ống hút để mọi người sử dụng, bị cáo N chia ma túy thành hai đường kẻ rồi mời mọi người sử dụng. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mong muốn đưa ma túy vào cơ thể của mình và người khác, nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", các bị cáo Đ, T, K, H tổ chức cho nhiều người sử dụng trong đó có L dưới 18 tuổi, nên các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, bị cáo N chia ma túy trên đĩa thành hai đường, bị cáo sử dụng một đường và mời T sử dụng đường còn lại, nên bị cáo chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Thị H cất giữ 0,235g ma túy, loại MDMA trong túi xách của mình để sử dụng sau, số ma túy này do bị cáo Đ cho bị cáo, thu tại phòng hát 0,159g ma túy, loại MDMA, vị trí ở thành bức tường, không pH ở vị trí các bị cáo ngồi, số ma túy này do Đ mua, nên bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm với số ma túy thu giữ của H và thu giữ tại phòng hát, nên hành vi của Đ và H còn cấu thành tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật

hình sự. Do vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo là đồng phạm với nhau, nH1 là đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không phân công nhiệm vụ cụ thể của từng người. Bị cáo Đ là người thuê phòng, mua ma túy về cho các đối tượng sử dụng, nên có vị trí cao nhất, bị cáo T xào ke, chia ma túy thành các đường thẳng mời mọi người sử dụng, nên có vai trò thứ hai, bị cáo H và K có vai trò ngang nhau thấp hơn bị cáo T, bị cáo N có vai trò thấp nhất. Đối với tội tàng trữ trái phép chất ma túy, các bị cáo phạm tội độc lập.

[5] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với ma túy và các chất gây nghiện; gây mất trật tự trị an xã hội của địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân; là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần xét xử nghiêm minh, áp dụng hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, nên cả năm bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, gia đình bị cáo Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận, bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Các bị cáo đều phạm tội với lỗi cố ý, bị xét xử ở khung hình phạt rất nghiêm trọng, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để cơ quan chức năng giáo dục, cải tạo, có như vậy các bị cáo mới không gây nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo T, H, K và N đều là nhân viên đi làm thuê để hưởng tiền công, không pH đối tượng nghiện ma túy, nhận thức còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn, bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo H và K, khởi điểm của khung hình phạt các bị cáo bị xét xử là 07 năm tù, áp dụng mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt đã rất nghiêm khắc với các bị cáo, do vậy khi lượng hình, mức hình phạt của T, K, H bằng nhau.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 thùng catton ghi số 387/KL - KTHS (MT) bên trong có 0,129g ma túy loại MDMA; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa có chữ VietCredit; 01 túi nilon màu trắng; 01 thẻ nhựa cứng màu vàng và toàn bộ vỏ phong bì niêm phong, là chất cấm lưu hành và vật không có giá trị, nay tịch thu cho tiêu hủy, đối với 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 phong bì số 386/KL - KTHS (MT) bên trong có 0,178g ma túy loại MDMA; 01 vỏ túi nilon và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định; 01 túi xách giả da màu trắng, kích thước (20 x 14)cm; 02 chiếc bật lửa ga, một chiếc màu đỏ, một chiếc màu xanh, là chất cấm lưu hành và vật không có giá trị, tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với số tiền 600.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Xuân Đ; 2.200.000 đồng thu giữ của anh Lê Văn S; 900.000 đồng thu giữ của anh Lê Văn L không liên quan đến hành vi phạm tội, nay hoàn trả toàn bộ.

Đối với 01 đầu thu thiết bị Camera nhãn hiệu Vision màu đen, kích thước (22x 23x 4,5) thu giữ của quán Karaoke Lan H2, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nay hoàn trả bà Phạm Thị H2.

Đối với 01 điện thoại Iphone 7 Plus, màu hồng, dung lượng 32 GB, số IMEI: 355356088949076 trong phong bì niêm phong ĐT1 thu giữ của bị cáo Đ, bị cáo dùng liên lạc mua ma túy, nay tịch thu sung ngân sách.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh rêu, dung lượng 64GB, số IMEI: 350588704844976 trong phong bì niêm phong ĐT2, thu giữ của bị cáo Trần Thị K và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, dung lượng 16 GB, số IMEI: 358354065111436 trong phong bì niêm phong ĐT3 thu giữ của Lò Thị T, không liên quan đến hành vi phạm tội, nay hoàn trả các bị cáo.

[10] Đối với Nguyễn Văn D bán ma túy cho Đ, đang vắng mặt nơi cư trú, yêu cầu cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý để không bỏ lọt người phạm tội.

[11]. Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lò Thị H và Lò Thị T có đơn xin miễn giảm án phí, nay miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1 / Căn cứ vào:

Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 55; 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân Đ và bị cáo Lò Thị H, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ.

Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị K và Lò Thị T.

Khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 38; 58 Bộ luật hình đối với bị cáo Trịnh Thị Mỹ N.

2/ Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Xuân Đ và Lò Thị H phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo Trần Thị K, Lò Thị T và Trịnh Thị Mỹ N phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"

3/ Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Xuân Đ **07** *(bảy)* năm **02** *(hai)* tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và **01** *(một)* năm **02** *(hai)* tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **08** *(tám)* năm **04** *(bốn)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/11/2022.

Bị cáo Lò Thị H **07** *(bảy)* năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và **01** *(một)* năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **08** *(tám)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/11/2022.

Bị cáo Lò Thị T và bị cáo Trần Thị K mỗi bị cáo **07** *(bảy)* năm tù, thời hạn tù của hai bị cáo tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/11/2022.

Bị cáo Trịnh Thị Mỹ N **02** *(hai)* năm **03** *(ba)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/02/2023.

4/ Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 thùng catton ghi số 387/KL - KTHS (MT) bên trong có 0,129g ma túy loại MDMA; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa có chữ VietCredit; 01 túi nilon màu trắng; 01 thẻ nhựa cứng màu vàng và toàn bộ vỏ phong bì niêm phong.

Tịch thu sung ngấn sách nhà nước 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 phong bì số 386/KL - KTHS (MT) bên trong có 0,178g ma túy loại MDMA; 01 vỏ túi nilon và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định; 01 túi xách giả da màu trắng, kích thước (20 x 14)cm; 02 chiếc bật lửa ga, một chiếc màu đỏ, một chiếc màu xanh.

Hoàn trả bà Phạm Thị H2 01 đầu thu thiết bị Camera nhãn hiệu Vision màu đen, kích thước (22x 23x 4,5).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 7 Plus, màu hồng, dung lượng 32 GB, số IMEI: 355356088949076 trong phong bì niêm phong ĐT1.

Hoàn trả bị cáo Trần Thị K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh rêu, dung lượng 64GB, số IMEI: 350588704844976 trong phong bì niêm phong ĐT2.

Hoàn trả bị cáo Lò Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, dung lượng 16 GB, số IMEI: 358354065111436 trong phong bì niêm phong ĐT3.

Tình trạng vật chứng theo biên bản bào giao vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mỹ và Chi cục Thi hành án Dân sự ngày 10/05/2023.

Hoàn trả bị cáo Nguyễn Xuân Đ 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng); anh Lê Văn S 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) và anh Lê Văn L 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Tiền theo giấy ủy nhiệm chi giữa Công an huyện Yên Mỹ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Mỹ.

5/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đối với bị cáo Đ, K, N. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội đối với bị cáo Lò Thị H và Lò Thị T.

Buộc các bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Trần Thị K và Trịnh Thị Mỹ N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Thị H và bị cáo Lò Thị T.

6/ Quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo Bộ luật tố tụng hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Ngô Xuân Quỳnh

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, NVLQ;
- TAND tỉnh H1 Yên;
- VKSND huyện Yên Mỹ;
- Công an huyện Yên Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Yên Mỹ;
- UBND xã Giai Phạm, Yên Mỹ.
- UBND xã Chiềng Sung, Mai S, S La.
- UBND xã Huổi Một, Sông Mã, S La.
- UBND xã Tràng An, Bình Lục , Hà Nam.
-UBND phường Ninh Đa, TX Ninh Hòa, Khánh Hào.
- Lưu.